

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE



ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán-Sứ phố Richaud, Hanoi

慧 燦 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUOC
Chánh hội trưởng
hội Phật Giáo
Quản lý
CUNG-DINH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN-TRUNG-THU
Sư cụ chùa Hàng-Số
Phó chủ bút
DUONG-VAN-HIEN
Sư cụ chùa T3-Cát



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖI SỐ : 0 \$ 03

Kính trình các hội-viên hội Phật-giáo và các vị độc-giả báo « Đuốc-tuệ »

Ngài nào đòi chỗ ở thì xin gửi thư về ngay nói cho chúng tôi biết để tiện gửi thư từ báo sách khỏi thất lạc xin các ngài nhớ kỹ cho.

Kính trình các giáo-hữu hội-viên hội Phật-giáo

Báo « Đuốc-tuệ » của hội ta ấn-hành là cốt diễn-dịch những kinh sách nhà Phật để cho hội-viên trong hội cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc ; ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả.

Vậy kính trình các giáo-hữu ai đã nhận mua báo rồi thì xin đem tiền giả tại ông chánh đại-biểu địa phương mình mà lấy giấy biên lai ; ai chưa nhận mua báo thì xin biên rõ tên họ và chỗ ở giao tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình hay là gửi thẳng về chùa Quán-sứ Hanoi để chúng tôi gửi báo tới.

Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý hội Phật-giáo ở các địa-phương

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên lai nhận tiền báo để ai gửi giả tiền báo thì ngài biên lai thu giùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ngài ai chưa mua thì xin ngài gia công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

KÍNH TRÌNH CÁC NGÀI ĐẠI-LÝ BẢN BÁO « ĐUỐC TUỆ ».

Xin các ngài làm cho một bản kết toán từ số 1 đến số 10 xem số nào bán được bao nhiêu, còn lại bao nhiêu ; bán được bao nhiêu thì xin gửi tiền về cho, mà còn lại bao nhiêu thì xin gửi báo về ngay cho, cảm ơn. Từ số 11 trở đi, chúng tôi tạm đình gửi để đợi thư các ngài xem nơi nào có thể bán được kha khá sẽ gửi.

Những ngài mua báo 3 tháng ngài nào bằng lòng mua nữa thì xin gửi thư về ngay cho nhà báo biết.

HỌC TIÊU-THẶNG VÀ ĐAI - THẶNG

XU A nay các nhà khảo-cứu về Phật-học, thường thiên về mặt tôn-giáo, trước hết xem cách tu hành thế nào, lối phụng sự thế nào, phép lễ bái tụng niệm thế nào, rồi theo đấy mà khệp vào những lý-thuyết ở trong các kinh điển, đề nghị-luận và phê-bình, cũng như xét đạo Khổng thì đến văn-miếu xem đức Văn-tuyên (1) thờ ở đâu, các hiền-triết là những ai, xuân-thu tri lễ vào những ngày nào, và cách phối-bửong ra sao, xét đạo Lão thì đến Long-hỗ-son (2) hay là đạo miếu hủ Tam-thanh (3) giáo-chủ là những gì, cách tu-luyện thế nào, phủ lục chủ quyết dùng làm sao. Cách quan-sát như thế, không phải là không đúng, song đó chỉ là thuộc về hình-thức ở bề ngoài vì như nắm một cành lá, mà muốn biết cả gốc rễ cây, dò một nhánh sông, mà muốn biết đến nguồn, dù có biết được, cũng chỉ bó buộc ở trong một phạm-vi rất nhỏ hẹp vậy.

Mỗi một tôn-giáo, có một giáo-lý, giáo-lý là cơ-sở để sáng lập ra tôn-giáo, mà tôn-giáo là chi-phối, căn-cứ ở giáo-lý, nay lấy tôn-giáo mà xét một giáo-lý, khác nào như người đứng ngoài cửa mà trông vào trong nhà, có thể trông thấy tường, thấy mái thấy nóc, song tài nào biết hết được nội-dung, sao bằng lấy giáo-lý mà xét một tôn-giáo như người đứng ở trong nhà mà trông ra chung quanh có thể bao lăm được cả các mặt vậy.

(1) Văn-tuyên là tôn hiệu đức Không-tử.

(2) Long-hỗ-son là chỗ Trương-thiên-sự ở, Đạo Lão sau thành ra đạo tu-tiên, truyền đến Trương-dạo-Lãng, tu ở Long-hỗ-son đời đời kế tiếp, được phong làm chân-nhân để giáng thụ đạo Lão.

(3) Tam-thanh là Ngọc-thanh, Thượng-thanh và Thái-thanh.

Đạo Phật là một nền giáo-lý rất quan-hệ mật-thiết với cuộc sinh-hoạt của cá-nhân, của xã-hội, của cả thế-giới, có thể gọi là một giáo-khoa gồm từ bậc thấp đến bậc cao, từ chỗ dễ đến chỗ khó, từ phép tu dưỡng của tâm thân, đến cách đoàn-tụ của quần-chúng, từ cuộc sinh hóa của vạn vật đến lẽ biến biện của tạo-hóa, hết thảy đều bao hàm thu quát vào trong. Nếu ta gọi là tôn-giáo, thì tôn-giáo chỉ là một phần chi phối ở trong đạo Phật, bởi những đồ-đệ về sau tỏ-chức ra, thiết-tưởng nay ta khảo-cứu đạo Phật, nên coi đạo Phật là một học phái thì mới hiểu rõ cái chân tướng, rải đặc điểm của đạo Phật cao hơn, rộng hơn các học phái khác là thế nào, rồi sự tuyên truyền và siển dương đạo Phật, mới mong có thể ứng dụng trên con đường thực-tế vậy.

Đạo Phật phát nguyên ở Ấn-độ, giáo-tổ là đức Thích-ca, song trước đức Thích-ca, ở Ấn-độ đã có học Bà-la-môn, xem như học Ngũ-minh, (1) đủ biết rằng trước đây hơn ba ngàn năm, ở Ấn-độ đã có những học-thuyết rất rộng-lãi và cao sâu, mà những triết-học và khoa-học ở đời sau không phải là những sự phát-minh mà ta quá khen là mới lạ.

Đức Phật-tổ trước khi chưa thành đạo, đã từng theo học đạo Bà-la-môn, song ngài thấy trong đạo ấy, giai cấp phân biệt quá, trái với lẽ bình-đẳng, tu hành khổ khắc quá, trái với lẽ phương-tiện, ai tu hành cũng chỉ thiết lấy thân mình, trái với lẽ bác-ái, mà chỗ còn thấp còn hẹp ở trong đạo ấy là chỗ lấy phạn thiên làm ngôi nát-bản cùng tốt, cho nên ngài mới lập ra một đạo cao hơn nữa là gồm đủ cả bình-đẳng, phương-tiện, bác-ái, và đặt ngôi nát-bản lên trên phạn thiên, nghĩa là phạn thiên mới là bước vào ngôi không-thiên ở trong vô-sắc-giới, còn là thế-gian, mà đến ngôi nát-tân, tức là ra khỏi tam-giới, mới gọi là xuất thế-gian. Đã

(1) Ngũ-minh 五明 là năm môn học theo sự kinh-nghiệm và sự suy xét dễ phát minh ra : 1) Thanh-minh, học về ngôn-ngữ và văn từ. 2) Nhân-minh, học về cách triết-lý. 3) Y-minh, học về phép chữa bệnh. 4) Công-sảo, học về các công nghệ và cách sáng tạo. 5) Tu-minh học về cách tu-hành.

hay Ngài là bậc tri-tuệ tuyệt-luân, mới sáng lập nên một đại đạo, song xét cho đúng, thì đạo Phật chính là có chịu ảnh-hưởng của đạo Bà-la-môn mà lại là để bỏ cứu những chỗ sai lầm của đạo Bà-la-môn vậy.

Đạo Phật thật là quảng-đại tinh-vi, đúng như câu : đại mạc năng tài, tiểu mạc năng phá (1), ở trong sách Nho, nhưng tóm lại chỉ ở một chữ giác, cốt là giậy cho ai ai cũng hiểu rằng thân người là tứ đại (2) hợp thành. ngũ-âm (3) kết tập, mà đến cả đại địa sơn-hà, cũng đều là cõi vô-thường cả, vô-thường thì biến hóa mãi, cứ theo cái lệ : thành, trụ, hoại, không, thay đổi không bao giờ cùng, song cái giác tính vốn là bất sinh bất diệt, bao giờ cũng tự nhiên tự tại, tức là chân như, nếu để cái giác tính ấy nó tối đi mất, tức là mê, mê thì phải luân-quần ở trong vòng biến-hóa nghĩa là còn ở thế-gian, nếu làm tỏ rõ được cái giác tính ấy, tức là giác, giác thì vượt khỏi ra ngoài vòng biến hóa, nghĩa là xuất thế-gian, tức là nát-bản. Thế-gian là cõi phàm, là cõi trầm-luân, xuất thế-gian là cõi thánh, là giải-thoát, người đời chìm đắm ở trong bể tình dục, tư lợi, quyền mưu, tri thuật, đời đời ăn ngủ sống chết trên đồng ngũ trọc, mà không bao giờ tỉnh ngộ, Phật-tổ cũng là người đã từng ở trong bể ấy biết bơi biết lội, mà bước lên bờ, cho nên đạo Ngài, gọi là giác-ngạn, đến cõi giác tức là xuất thế-gian, song ngài xuất thế để làm gì, nào có phải là bỏ mặc kẻ thế-gian đâu, Ngài có lên tới cõi thánh, thì mới tiếp dẫn được cõi phàm, cũng như Ngài có là tay đại-thiện-thủy (4) thì mới có thể xuống nước mà cứu người được.

Thuyết thế-gian và xuất thế-gian là một đặc điểm của đạo Phật, vì là các học-thuyết khác đều lấy trời đất làm giới-hạn, rồi lập ra những chế-độ và qui-tắc, để bảo tồn và hộ-vệ lấy cuộc an-lạc của thế-gian, chỉ có đạo Phật, là không nhân có trời đất, giậy người chỉ noi một chữ giác, từ thế-

(1) To thì không cái gì chớ nổi, nhỏ thì không cái gì phá nổi.

(2) Địa, thủy, hỏa, phong, bốn chất hợp lại làm thành hình người.

(3) Sắc, thùy, tưởng, hành, thức, năm điều là che lấp lòng người.

(4) Đại thiện thủy là một tay lợi rất dôi.

gian đến xuất thế-gian. Thuyết này mới nghe ra chắc có nhiều người ngờ là hoang-đường, song cắt cho rõ ra, thì lại là một thuyết rất tiện-lợi cho đời người mà ai ai cũng có thể thực-hành được. Như trên vừa nói, thế-gian là phạm, xuất thế-gian là thánh, phạm và thánh chỉ là hai đường mè và giác khác nhau, vậy ta đừng tưởng xuất thế-gian là một pháp thuật thiêng-liêng có thể cao chạy xa bay ra ngoài vũ trụ vậy.

Ta nên xét xem tại làm sao phạm lại là mè, mà mè là mè thế nào? Ta chỉ thấy người khôn mãi lên, khéo mãi lên, dối mãi lên, côi người tó-diêm càng ngày càng xinh đẹp như gấm như vóc, như hoa như ngọc, nếu gọi là mè thì ai chịu và ai tin? Song ta thấy bên kẻ khôn có kẻ dại, bên kẻ khéo có kẻ vụng, bên kẻ dối có kẻ kém, bao nhiêu những sự dè nghiêng vật lộn lung tung dộn díp ở trong, ta phải đỡ cho thế là cái lệ « ưu thắng liệt bại. » (1) Ta lại thấy bên đống gấm vóc hoa ngọc, có bao nhiêu thịt xương chôn vùi, khói lửa ngấm ngấm ở trong, ta phải đỡ cho thế là có « họa ý phúc phục. » (2) Than ơi! nếu cõi đời còn hai chữ thắng bại, thì người đời còn cạnh tranh mãi cõi đời còn hai chữ họa phúc, thì người đời còn hồ-đồ mãi! Nếu cho ưu-liệt là lệ tiến hóa, ý phục là lệ an-bại, một bên là tất-nhiên, người không sao tránh được, một bên là hoặc-nhiên, người không cần phải tránh, người chỉ biết lo tình những mưu kế, những khí cụ, cầu cho khôn thêm, khéo thêm, dối thêm, để cung ứng những sự nhu dụng, sự nhu dụng đã vô cùng, người càng phải theo đuổi mãi mãi, rút cục bị được mặt này, lại bùng ra mặt khác, giữ được bên nọ lại sảy ra bên kia, không ai nhường ai, thì còn ai chịu ai, không ai ưa ai, thì còn ai tin ai, thế là ai ai cũng cứ cầm đầu đi lẫn vào trong đám cạnh tranh, nhắm mắt đi liều vào trong vòng họa phúc, khôn thật, khéo thật, dối thật, song đã không lợi cho người, lại không lợi cho mình, đã có hại cho người, lại có hại cho mình, dù khôn, dù

(1) Ưu thắng liệt bại : Hơn thì được, kém thì thua.

(2) Phúc hề họa sở ý, họa hề phúc sở phục : ở trong phúc, có họa chực sẵn, ở trong họa, có phúc chực sẵn.

khéo, dù dối, cũng chẳng ích gì. Bởi thế mà đời người phải cần đến đạo đức, đến pháp luật, đến cả mình ước đề gìn giữ lẫn nhau, giàng buộc lẫn nhau, song tiếc thay ! Người đời đã chót đem cái khôn, cái khéo, cái dối đưa nhau vào những trạng-hợp tương-dương, tương địch, tương đối, tương đãi, tương khi, tương phụ, ta há không từng thấy có những cuộc ăn thua to, những đám số sát lớn, mà đạo đức chỉ là lời nói cửa mồm; pháp luật chỉ là bản án sếp số, mình ước chỉ là tờ giấy tâm vor hay sạo ! Cũng vì thế mà từ xưa đến nay những nhà giáo dục đã đau lòng đức óc về nỗi điên đảo của nhân tâm, những nhà luân lý đã xót ruột nau gan về nỗi thương tàn của nhân loại, những nhà chính trị đã quáng mắt mỗi mồm về nỗi phẫn trặc của thế giới, đã muôn phương nghìn chước, chạy chữa nhiều bề, song giá có cán hồi lại được, cũng chỉ là cách tạm thời, như người được bữa nay lo bữa mai, gió chiều nào che chiều ấy, chứ vẫn chưa tìm được phương pháp để bảo tồn vĩnh viễn vậy.

Đối với những nông nỗi thâm thương ghê gớm kể trên, Phật gọi là khổ, mà khổ là gốc ở bệnh mê, mà muốn chữa bệnh mê, thì phải trị-kỳ-căn, (1) chứ trị-kỳ-tiền (2) thì không bao giờ khỏi. Cái căn của bệnh mê là bốn điều dục : tài, sắc, danh, lợi, vì bốn điều dục này mà thành ra ba thứ độc là tham, sân, và si. Phật cho hế-gian là cõi vô thường, tức là cho người ta là thân vô thường. Thế nào là vô thường, vô thường là không có định trụ, thân người sở dĩ có, là vì tứ đại hợp thành, mới thành ra ngũ ấm để bị bốn điều dục làm mê hoặc, đến lúc tứ đại mỗi cái rời ra một nơi, thì thân người lại không có nữa. Lúc tứ đại hợp vào làm một là sống, lúc tứ đại chia ra làm bốn là chết, vì sự hợp sự phân của tứ đại mà thành sống chết, bởi thế mới gọi là vô thường — vì cái thân vô thường mà người cứ nhận là thường, thành ra cứ bám chặt lấy nó, thế là

(1) Chữa từ gốc rễ.

(2) Chữa ở ngọn.

mê về ngã chấp, (1) đã có ngã chấp thì những cảnh tượng ở chung quanh đều nhận là có thực, thế là mê về pháp chấp. (2) Bởi thế cứ theo đuổi bốn điều dục là tài sắc danh lợi, mà kết thành bệnh mê. Nay nếu nhận rõ cái nhục thân (xác thịt) là vô thường, thì tự khắc hiểu ra tài sắc danh lợi, là bốn điều ma-chướng ở ngoài, đem những cảnh huyền vọng đến đánh lừa mình, khi đã bị nó cám dỗ, tức là tự mình đắm vào trong bể cạnh tranh, trong lưới họa phúc, thì sao bằng bỏ quên hẳn cái nhục thân vô thường này mà tìm lấy cái vẫn thường tại ở trong thân người là cái chân tâm, nó vẫn bảo ta biết rõ điều phải lẽ trái, điều hay lẽ dở mà ta vẫn thường không theo rỏ vậy. Khi ta không theo nó, là ta cứ lẫn lộn với những cảnh tượng ở ngoài thân ta, tức là ta mê, mà khi ta biết theo nó là khi đã tỉnh ngộ đến cái chân thể ở trong thân tức là ta giác vậy.

(Còn nữa)

BÙI-KỶ

PHẬT HÓA PHÉP ĐỘ ÔNG NAN-ĐÀ

Đức Thích-ca sau khi ngài đã chứng đạo Nát-bàn rồi, ngài đi du hóa các nơi độ được rất nhiều đệ-tử. Trong hàng anh em thúc-bá với ngài như ông Át-nan cũng đã theo ngài xuất-gia thành bậc đa văn đệ nhất.

Còn ông Nan-đà là người em thúc-bá rất quý, và lại là người bạn học rất thân của ngài. Ông Nan-đà cũng có cái nước già sắc vàng như Phật. Xem Phật thời đủ 32 tướng mà ông Nan-đà thời chỉ có 30 tướng thôi. Ông lại thấp hơn Phật bốn ngón tay. Ông Nan-đà có người vợ tên là Tân-đà-la, nhan sắc tuyệt trần, nghi dong xuất chúng; liếc thấy người đời ai trông thấy cái nhan sắc của nàng, cũng phải hồn xiêu phách lạc; ông Nan-đà đối với nàng cứ triền

(1) và (2) Ngã chấp và pháp chấp đã cắt nghĩa ở trong bài Tôn chỉ đạo Phật.

miền ái-trước, không xa cách được một phút nào; tình ái của hai người thực là thế gian ít có.

Đức Thế-tôn ngài thương ông Nan-đa bị chữ tình nó dang buộc, cứ thế thời biết ngày nào cho ông tỉnh ngộ.

Một hôm sáng sớm Phật mặc áo cà-sa cầm bát pháp, cho ông Át-nan đi hầu, vào thành khất thực, lần lượt đến ngõ ông Nan-đa. Phật đứng ở cổng, lấy sức đại-bi phóng ra hào-quang rất روشن, chiếu xuống vào nhà ông Nan-đa mọi chỗ đều thành sắc vàng đỏ ói. Bấy giờ ông Nan-đa biết rằng: đức Như-lai đã đến, ông liền ngỏ ý xin phép nàng Tân-đa-la để ra chào Phật. Nàng Tân-đa-la tự nghĩ rằng: nếu ta buông hẳn ra thời chắc là đức Thế-tôn ngài rủ hẳn đi xuất gia mất, bèn nắm chặt lấy áo ông. Ông bèn van thiết nói rằng: xin qui-nương tạm cho tôi ra làm lễ Thế-tôn một chút, rồi lại vào ngay không giếm sai hẹn. Nàng lại tự nghĩ rằng: nay đức Thế-tôn ngài đã quang lâm tới ngõ, mà ta cố giữ hẳn không cho ra lễ tiếp ngài thời đối với dư-luận và lương-tâm chắc là không tiện, bèn lấy ngón tay chấm vào chai nước hoa rồi chấm vào chân ông mà hẹn rằng: nay ta cho phép người ra lễ tiếp Thế-tôn song trước khi giọt nước này chưa khô thời người phải về tới đây rồi; nếu người ra mà lười thôi chậm chễ quá kỳ hẹn của ta. thời ta phạt người 500 đồng tiền vàng. Ông liền xin vàng, ông ra làm lễ xoa chân Thế-tôn, hai tay đỡ lấy bát pháp của ngài đem về lấy thức ăn dâng cúng, khi ông bưng ra tới ngõ, thời Thế-tôn đã quay đi rồi; ông định đưa cho ông Át-nan. Phật hiện thần-thông khiến ông Át-nan không dám bưng lấy cái bát ấy; ông liền chạy theo sau Phật song không thể nào theo kịp Phật, vì cái dáng uy-nghiêm tôn-trọng của Phật nên ông không dám gọi Phật; ông lại quay lại nói với ông Át-nan nhận hộ. Ông Át-nan hỏi rằng: bát này người lấy ở ai?

- Ta lấy ở Phật. — thế người phải đem giả Phật,

- Ta không theo kịp mà ta cũng không dám khinh xúc đường giọt gọi ngài.

- Thế người chịu khó theo ngài về chùa vậy,

Đức Thế-tôn về đến Tinh-xá rửa chân yên ngồi vừa xong, thời thấy ông Nan-đa đem bát dâng cúng, Phật hiện

thần-thông khiến ông cứ đứng ngay không dám nhúc nhích; Phật ăn xong rồi hỏi ông rằng: này Nan-đà, người có dám dùng đồ tàn thực của ta không? ông nói: bạch Thế-tôn, xin ngài ban cho.

Phật bèn đưa bát cho ông ăn, xong, Phật lại hỏi rằng: Này Nan-đà, người có đi xuất-gia không?

Ông lại nói: bạch Thế-tôn, tôi xin theo ngài đi xuất-gia (vì sao mà tình ân-ái của ông Nan-đà đối với nàng Tân-đà-la khăng khít là thế mà ở trước mặt Thế-tôn bảo gì ông cũng nghe ngay, bởi vì Thế-tôn khi xưa hành bồ-tát đạo, đối với phụ-mẫu sư-trưởng cùng các người tôn-qui có dạy bảo nhờ gì là ngài vâng theo không dám trái ý, bởi cái nhân ấy cho nên nay Phật bảo chúng-sinh đều gì, dầu cho trong trí không bằng lòng nhưng ngoài miệng cũng đều thuận mạnh). Phật gọi ông Át-nan mà bảo rằng: Nan-đà nay đã bằng lòng đi xuất-gia, vậy người đem bản ra cạo đầu thay áo. Ông Át-nan vâng nhờ đưa ông ra gọi người thế-phát. Người thợ cạo vừa sắp giao kéo toan cạo, ông liền bảo rằng: my có biết hay không? Thái-tử Cộ-đàm đã đi xuất gia rồi, Át-nan cũng thế, chỉ còn ta đây không bao lâu nữa ta sẽ kế ngôi Cửu-ngũ làm vua Chuyển-luân-vương thống-trị thiên-hạ, nay người muốn cạo tóc của ta, thời ta sẽ chặt tay người trước đã. Người thợ cạo nghe xong vội vâng bỏ chạy; Át-nan thấy thế giở vào bạch Phật.

Phật bèn tự đi đến chỗ ông Nan-đà mà hỏi rằng:

Này Nan-đà người không xuất gia nữa à?

Ông lại nói: Tôi xin theo Phật đi xuất-gia.

Phật bèn cầm bình nước dội lên đầu ông, rồi gọi người cầm dao lại cạo. Bấy giờ trong trí ông tự nghĩ rằng: Ta vâng mệnh Thế-tôn thế phát thời thế, nhưng đến chiều thế nào ta cũng trốn về. Ta sẽ xin lỗi với nàng Tân-đà-la chắc thế nào nàng cũng sẵn lòng dung thứ cho ta cái tội chậm trễ. Đến chiều ông lập chí trốn về, xong Phật đã biết trước, giữa đường Phật hóa ra cái hố rất to, giới tôi, ông không có cách gì sang được, đành lại quay lại, trong bụng buồn rầu nghĩ: đêm nay ta với nàng Tân-đà-la thực là xa cách, sự đau khổ của ta đêm nay khó mà sống được, họa chẳng sáng mai ta còn sống ta sẽ tìm con đường

khác ta về thực sớm. Trong đêm hôm ấy ông dần dọc suốt đêm không ngủ. Phật biết ông Nan-đà đang bị cái dây tình ái nó cắn rứt, nó làm cho đau đớn khổ sở, Phật đem lòng thương xót, gọi ông Át-nan mà dặn rằng : người đến khuyên giỗ Nan-đà cho hẳn làm người tri-sự Ông Át-nan đến bảo ông rằng : đức Thế-tôn cho người làm người tri-sự.

Ông hỏi : thế nào là người tri-sự ? Tri-sự-thời phải làm những việc gì ? Át-nan nói : CỬ ở trong chùa này mà kiểm soát mọi việc, ví dụ những khi mọi Tỷ-khuru đi khất thực ở nhà phải lau rửa các nơi, phải coi giữ các đồ vật, có khách đến phải tiếp, khi chúng tăng về phải bạch, có các đồ thì phải chia cùng mọi người, tối đến phải đóng các cửa ngõ, sáng ngày phải mở, có chỗ nào đồ nát phải kiếm người sửa chữa. Ông liền quản-nhận các việc, sớm mai mọi Tỷ-khuru đều đi khất-iù-ực, ông thấy vắng người, ông tự nghĩ rằng : Ta quét cỏ xong quãng sân này, ta sẽ về nhà một lát. Thế-tôn vì có thần-thông nên dù ông suy nghĩ ông quét xong, lại đây bụi rác, ông cố hết sức mà vẫn không xong thời Phật và mọi lý-khuru lại về.

Đến ngày hôm sau Phật gọi ông mà bảo rằng : nay ta giao cho người ở nhà đóng xong mấy khoang cửa này thời nghỉ, Phật và lý-khuru đi rồi, ông định đóng xong rồi lên về nhà thăm vợ, Phật hóa phép khiến ông cứ đóng khoang này là khoang kia lại mở, ông cố hết sức mà vẫn không xong, đâm ra buồn rầu ảo não, định chí rằng : Thời ta cứ bỏ đây, nếu có giặc cướp nó vào ta cũng không sợ, ta có thể tẩu với vua làm một trăm cái nhà đẹp hơn thế này cũng được, hà tất ta phải đóng mãi nhọc nhằn. Ông bèn cả quyết ra đi, song ông không dám đi đường cái sợ rằng gặp Phật, ông liền theo con đường vòng mà đi. Phật biết thế, Phật liền do con đường nhỏ giữ về, Ông Nan-đà trông xa thấy Phật, bèn chui xuống một khóm cây um tùm để ẩn, Phật đến đấy hóa phép thần-thông khiến cho cây kia bao nhiêu cành lá dựng ngược lên giới, trơ óng ra đó, Phật hỏi Nan-đà đi đâu thế ? ông rất thẹn hổ, bạch rằng : tôi đi đón Phật, Phật nói : tốt lắm, thôi đi về cùng ta. Phật vừa đi vừa nghĩ thương cho ông, cái ác-căn của ông với nàng

Tân-đà-la nó đã thâm căn cố đế, nên ông cứ tư tưởng không nguôi, nay muốn cứu gỡ cho ông thoát-ly cái vòng tình-ái thời phải dùng đến phép phương-tiện, họa chăng ông mới tỉnh-ngộ, Phật bèn đưa ông đến thành Thất-la-phiệt, vườn Lộc-tử-mẫu.

Phật bảo : này Nan-đà, ngươi đã thấy núi Hương-thúy bao giờ chưa ? Nan-đà nói : — Bạch Thế-tôn, tôi vẫn nghe tiếng nhưng chưa được tới nơi. Phật nói : người có muốn xem phong cảnh núi ấy thời người cứ bám chặt lấy vạt áo của ta, ta sẽ đưa ngươi đến đây. Bấy giờ Thế-tôn hóa phép hình như con nga-vương bay liệng ở hư-không, đưa ông Nan-đà đến núi Hương-thúy. Phật dục ông đi mà xem xét phong-cảnh ; ông Nan-đà trông tả ngấm hữn chỉ thấy xương phủ mặt mù, cây cối tiêu điều, coi rất buồn tẻ, ông nom mãi chỉ thấy một con khỉ cái lại chột một mắt nó cứ hướng về đức Thế-tôn. Phật hỏi : người đã trông thấy con khỉ mù chưa ? Ông nói : đã. Phật hỏi : Đem con khỉ ấy mà sánh với nàng Tân-đà-la thì ai hơn ? Ông tỏ ý không vui, nói : bạch Thế-tôn, vợ tôi dòng Thích-ca ví như tiên-nữ, ai ai cũng công-nhận là đẹp nhất trên đời, nay ngài lại đem con khỉ mù kia mà sánh với vợ tôi thời vợ tôi một ức phần con khỉ kia không kịp một. — Thế ngươi có muốn lên Thiên-cung không ? — Tôi muốn lên lắm. — Ngươi lại nắm lấy vạt áo ta, ta sẽ đưa ngươi lên đây. Phật liền đưa ông lên tới tầng giời Đao-ly và khắp mọi tầng giời, Phật bảo : đây là Thiên-cung, cho ngươi tùy ý đi du ngoạn, ta ngồi đây nghỉ đợi. Thoạt tiên ông đến vườn hoan-hỷ là một nơi đủ mọi trò vui ; rồi ông đến vườn Thê-thân, là nơi hoa-viên có những người tiên mặc đủ các màu xiêm áo rất đẹp mùa hát nô đùa ; sau ông đến vườn Thọ-thân là nơi hoa-viên có mọi tiên-đồng khóa-hình du-hý ; sau ông vào cả vườn giao-hợp, cây Viên-sinh, nhà thiện-pháp, ông thấy chỗ nào cũng hoa cỏ tốt tươi, suối ao trong mát, mùi hương sực nức, tiếng nhạc vang lừng, sau cùng ông vào thành Thiện-kiến, thấy các tiên-đồng đang sênh ca xướng họa, hai rẩy hành-lang, lại có đủ dường phần chiếu mền, trò chơi la-liệt, thuần những vật ở dương-gian không có, mà chỗ nào cũng thấy thiên đồng-nam và thiên đồng-nữ cùng nhau vui

nhảy; mãi, sau ông thấy một nơi chỉ thuần thiên-nữ, mà không có thiên-nam, ông lại gần mà hỏi rằng: thưa các quý-nương, sao các nơi kia ta đều thấy nam nữ tụ-hội, mà đây chỉ thuần con gái cả không có một người con trai nào thế? Mọi người Thiên-nữ đều thưa rằng: ở dưới trần-thế có ông Nan-đà là em Phật Thích-ca đi xuất-gia tu trì phạm-hạnh, sau khi ông ấy mạng-chung thời được sinh lên chốn này cùng với chúng tôi hưởng thụ mọi sự khoái-lạc; còn các người khác phúc kém không được dự vào đây. Ông tuất-tiên-nữ nói đúng tên mình, vui mừng nhảy nhót, chạy về chốn Phật, Phật hỏi người đã xem hết mọi sự vui vẻ ở trên thiên-cung chưa? Ông nói: bạch Thế-tôn, tôi đã xem hết, rồi ông lần lượt kể ra với Phật. — Người đã đến chỗ có thuần những thiên-nữ không? — thưa có ạ — Những thiên-nữ ấy đem sánh với vợ người là Tà-đà-la thời ai hơn? — Nếu đem vợ tôi mà sánh với thiên-nữ ấy, thời cũng như đem con khỉ mù ở núi Hương-thủy mà sánh với vợ tôi, nghĩa là Thiên-nữ một ức phần vợ tôi không kịp một, Phật bảo: Nan-đà ạ! ấy đi xuất-gia có cái thắng-lợi như thế đấy, người cố đi, sau này được lên đây thời sự vui thích biết là nhường nào! ông nghe xong vừa thẹn thùng vừa vui vẻ không dám nói nữa. Bấy giờ Phật lại đưa ông từ thiên-cung bay về Tịnh-xá. Từ đấy ông đem lòng ái-luyến thiên-nữ, quên hẳn nàng Tân-đà-la, ngày đêm tư-tưởng, mong cho sự tu hành kết quả, sau được lên Thiên-cung là mãn nguyện, Phật biết chí ông thế, liền gọi ông Át-nan mà dặn: cho người đi bảo khắp mọi Tỷ-khuru không nên ngồi ăn cùng tòa với Nan-đà, không nên cùng chơi với hắn một chỗ, không nên phơi áo với hắn một sào, không nên để chung bát pháp với hắn một chỗ, không nên cùng hắn đọc tụng kinh sách. Ông Át-nan vâng nhời Phật dạy, truyền cho mọi Tỷ-khuru cứ thế tuân hành. Bấy giờ ông Nan-đà đến chỗ nào cũng thấy mọi Tỷ-khuru bỏ chạy, không hiểu ra sao, trong lòng rất là thẹn hổ. Một hôm ông thấy mọi Tỷ-khuru cùng ngồi vá áo, ông tự nghĩ rằng: mọi Tỷ-khuru không chơi với ta đã đành, chứ như Át-nan vốn là em ta, lẽ đâu hắn lại bỏ ta được, ta thử đến chỗ hắn cùng ngồi với mọi Tỷ-khuru xem sao? Ông vừa đến thời ông Át-

nan cũng theo mọi Tỷ-khuru bỏ chạy. Ông gọi ông Át-nan mà hỏi : mọi người kia xa ta đã đánh, còn như người với ta đây vốn là thân thích mà sao người cũng không dám gần ta. Ông Át-nan nói : thực thế, tuy rằng chúng tôi với ông cũng thờ một thầy, cùng tu một đạo, nhưng con đường của ông đi khác, con đường chúng tôi đi khác, bởi thế nên không thể dung hợp với nhau được. Ông hỏi : con đường nào là con đường của các người đi, con đường nào là con đường của ta đi ? Ông Át-nan nói : chúng tôi tu Phạm-hạnh đề cầu đạo Nát-ban, còn ông tu Phạm-hạnh đề cầu sinh thiên, hai con đường ấy xa nhau nhiều lắm. Từ đấy ông sinh ra lo buồn chán nản, Phật biết tâm ông đã hơi chuyển, liền gọi ông mà hỏi rằng : người đã biết Nại-lạc-ca tức là Địa-ngục chưa ? Ông nói : bạch Thế-tôn tôi chưa biết. — Thế người lại nắm lấy vạt áo ta này, ta sẽ đưa người đến, Phật lại hóa phép đưa ông xuống Địa-ngục, Phật ngồi nghỉ một chỗ, rồi dục ông đi mà xem. Thoạt tiên ông đến Địa-ngục khôi-hà, là một cái sông to cho voi xuống rồi bắt các tội-nhân bỏ xuống ; sau đến Địa-ngục Kiểm-thụ, có một rừng cây cành lá thuần là gươm dao cាំ, bắt các tội-nhân tung vào đấy ; sau đến địa-ngục Phẫu-nghiệm, ông thấy những hình-cụ gồm ghè nói không xiết được, có kẻ bị quỷ-sứ lấy kim nhỏ răng kéo lưỡi khoét mắt, hoặc bị lấy cưa xẻ mình, lấy búa bẻ chân tay, lấy xà-mâu đâm vào ruột, chày sắt giã xương, hoặc bị nước đồng sôi rót vào miệng, bỏ cối dăm say, hoặc bị ôm cột đốt cháy, hoặc bị nằm trên đường sắt nung đỏ ; sau ông trông thấy những cái vạc dầu đun sôi sùng sục, tội-nhân ở trong, những khi dầu sôi nhỏ lên lặn xuống khác nào như chuối thảng bầy trời sông, lại có một cái vạc dầu cũng đun sôi thế coi rất sợ hãi, xong trong ấy không có người thụ tội, ông liền hỏi hai quỷ-sứ cầm đinh-ba đứng canh rằng : có sao mọi vạc dầu kia đều có chúng-sinh thụ tội, mà đây đun không để đó làm gì ? hai quỷ-sứ nói : có ông Nan-đa là em Phật đi xuất-gia tu trì Phạm-hạnh, song chuyên tưởng về sự sinh-thiên, tuy có được lên Thiên-cung vui vẻ ít lâu, đến khi phúc hết phải vào vạc dầu này cho nên chúng tôi đun dầu để đợi.

Ông nghe xong vừa run vừa sợ, chân lòng đứng ngược, bờ hồi ướt đầm, ông tự nghĩ rằng : giá bây giờ nó biết mình là Nan-đà có lẽ nó bắt nó quăng vào chắt. Ông liền vội chạy đến chỗ đức Thế-tôn, Phật hỏi người đã biết địa-ngục chưa ? Ông khóc nức nở mà thưa rằng : bạch Thế-tôn tôi đã thấy — người thấy những gì ? Ông cứ lần lượt kể ra ; sau ông kể cả cái vạc dầu đun sôi để đợi ông. Phật bảo : Nan-đà à ! Những kẻ đi xuất-gia mà còn tư-tưởng sự nhân-gian hay sự sinh-thiên, sau chả bao lâu phúc hết đều bị cái khổ ấy cả. Này người muốn tránh mọi sự khổ ấy thời phải tu đạo Nát-bàn, đừng có tư-tưởng về sự sinh thiên nữa. Ông nghe xong lòng sinh thiện hổ. Phật lại đưa ông về ký-hoàn tịnh xá, về tới nơi Phật chiêu tập đại-chúng mà thuyết-pháp rằng : trong đạo tu hành của ta có ba sự nhớ-bản gọi là Tam-câu, ai muốn cầu đạo Nát-bàn phải nên trừ bỏ.

Một là dâm-dục.

Hai là dận-dối.

Ba là ngu-si.

Ông Nan-đà từ đấy chuyên lòng tinh-tiến cầu đạo Nát-bàn, sau chứng nên đạo quả.

Tỷ-khưu THÁI-HÒA dịch

Trích ở trong kinh Bảo-tích

ĐỊA-VỊ ĐÀN BÀ, CON GÁI ĐỐI VỚI ĐẠO PHẬT

Bài giảng của cư-sĩ Nguyễn-hữu-Kha, giảng tại
chùa Quán-sứ, Hanoi

Thưa các cụ, các ông, các bà và các chị em,

Tôi thấy cái địa-vị đàn bà con gái ở trong xã-hội, so với bên nam giới, thua kém nhiều. Thịnh thoàng cũng có một vài trang anh-thư lắm liệ, ganh thì với bọn râu mày, nhưng số ấy thật là hiếm lắm. Về phần học-vấn, và tôn-giáo cũng thế. Vậy là tại làm sao ? Có phải tại nữ-giới bần-sinh vẫn kém thật, cho nên phải chịu thiệt thòi thế chăng ? Vấn-đề

này thật là nan-giải. Cứ thiền-y tôi thì tôi tin rằng lấy hiền tại mà nói thì nữ-giới bầm-thụ kém nam-giới thật. Song lấy cái nhân quả-khứ mà xét thì nam nữ không hơn kém gì. Sao biết? — Vì rằng theo về thuần-lý của Phật, thì cái thân người ta là bởi bốn phần lớn : đất, nước, gió, lửa kết lại thành thể xác, bởi năm món sắc, thụ, tưởng, hành, thức hòa hợp lại thành linh-hồn. Cái thân đã bởi các phần khác nhau ghép lại, thì cái thân ấy là giả-dối, không phải là thực có, cho nên mới có già, có ốm, có chết, không sống còn mãi được. Sở dĩ có tiếng phân biệt là nam là nữ, là nơi vọng-tưởng đó thôi. Chúng ta nên biết rằng sáu căn : mắt, tai, mũi, thân, miệng, ý cùng sáu trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cứ lùỵ lùỵ căn mà cảm-nhiễm trần, căn trần hòa-hiệp, mới cảm sảng ra nam ra nữ. Song, trong sáu căn đó, luy căn nào có tác dụng viêng của căn ấy, như mắt thì thấy sắc, tai thì nghe tiếng vãn vãn, nhưng cũng đều gốc ở phần thức thứ tám, tên là A-lại-gia-thức nó sai khiến cả. A-lại-gia-thức tức là cái kho chứa muôn pháp muôn sự từ kiếp nào kiếp nào lời nay rồi. Thì dụ như mắt trông thấy cái chùa, thì nhận là cái chùa, đó là trong A-lại-gia nó đã ghi cái tiếng chùa ấy từ bao giờ rồi, nên thấy cái chùa thì báo là cái chùa, chứ thực ra thì có cái gì là cái chùa đâu. Ta phân ra nam ra nữ, cũng như thế vậy. Vì thế cho nên trong kinh Phật dạy, tới chỗ cùng tốt, thì chỉ có nhất tâm thôi, không có nam nữ gì cả. Nhất tâm, ai cũng như ai, cho nên kinh Hoa-nghiêm nói : « Tâm, Phật với chúng-sinh, ba ấy có khác gì nhau ». Kinh Kim-cương nói : « Không ta, không người, không chúng-sinh Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp ». Đức Thích-ca khi thuyết pháp cho mẹ rằng : « Chúng-sinh sở dĩ không được giải thoát là bởi lòng tham muốn, hờn hận, si mê, cho nên cứ đọa trong vòng sinh tử mãi, cầu cho sinh được lên cõi trời cũng còn khó, huống chi mong mỏi ra ngoài vòng sinh tử kia ư ? Như thế đều là vì ba món độc tham, sân, si, nó làm hại cả, nếu muốn cầu lấy cái quả giải thoát nhiệm mầu, thì phải chặt đứt cái gốc khổ ấy đi đã. Ngài lại nói : Lạ thay ! hết thảy chúng-sinh trong thế gian, đều có đủ trí tuệ đức tướng như Phật cả, chỉ vì lòng vọng tưởng chấp trước mà không

chúng quả Bồ-đề ». Đem luật đem kinh ra mà so sánh mà cân nhắc thì tôi dám quả quyết rằng nam nữ không khác gì nhau, khác hay không, là bởi hoàn-cảnh hiện-tại và chế-độ nhân-tạo mà chia ghe đó thôi, Đản ông, mới sinh đã được hấp-thụ ngay cái không-khi phóng-khoảng cao-xa, đã được hưởng các sự giáo-dục chu-đáo, mà đàn bà thì cất một tiếng khóc ra đời, đã bị cái không-khi chật hẹp đè nén nó hãm chặt ở trong xó nhà xó bếp, chẳng được bầu bạn cùng bút nghiên sách vở cho nên cái tầm con mắt chỉ thấy có một mình, còn hay đâu hơn kém, chỉ tập làm những việc nhỏ nhen tầm mắt, không thấy những công nghiệp lớn lao ở đời, không biết đến lời hay lẽ tốt của người trước, cho nên tâm địa hẹp hòi tán loạn, như thế mà bảo là hèn thì phải hèn thật, bảo là kém, thì phải kém thật. Phật chế ra luật tuy rất nghiêm-ngặt, song thuyết ra kinh thì không bầu phân nam nữ, chính là vì đó. Muốn biết rõ cái lý nam nữ không khác gì nhau, tôi xin dẫn mấy đoạn kinh và mấy chuyện xa gần để làm chứng thực.

Trong phẩm Đê-bà-đạt-đa, kinh Pháp-hoa nói rằng : « Ngài Tri-tích hỏi ngài Văn-thù Sư-lợi rằng : « Kinh này rất thâm rất mầu, là kinh rất báu trong các kinh, đời hiếm có lắm. Giá thử có chúng-sinh nào, chuyên cần tinh-tiến, tu-hành kinh ấy, có chóng được thành Phật không ? ». Ngài Văn-thù Sư-lợi nói : « Có con gái. Sa-kiệt-là Long-vương, mới lên tám tuổi, trí tuệ sáng suốt, biết hết các căn nghiệp tu-hành của chúng sinh, được phép đìn giữ trọn lành, tu tri được mọi lẽ bí-tàng rất thâm của chư Phật đã nói. Vào cõi thuyền-định rất thâm, thấu hết mọi phép, trong khoảng giây lát, mở lòng Bồ-đề, tới ngôi không lui, tài biện bác lạ, yêu thương chúng-sinh, như thể con đẻ. Công-đức đầy đủ, lòng nghĩ miêng giảng, tinh vì mầu nhiệm, nhân nhượng từ-bi, ý chí hòa nhã, tới đạo Bồ-đề. »

Tri-tích Bồ-tát nói : « Tôi thấy đức Thích-ca Như-lai còn phải tu bao nhiêu kiếp, khổ-hạn! lạ nhường, tích công chưa được, không ngờ người con gái ấy mới trong chớp lát mà đã thành bậc chính-giác như thế! » Nói chưa dứt câu chuyện, bỗng thấy Long-nữ hiện ngay trước mặt, cúi đầu kính lễ, đứng né một bên đọc kệ ngợi khen rằng :

Hiếu thảo tướn ₂ tội phúc	Sỏi tỏ khắp mười phương.
Pháp thân mẫu nhiệm lạ	Bấm hai tướng tốt tươi.
Cùng tám mươi vẻ đẹp	Trang-nghiêm pháp thân này.
Trời người cùng trông mong	Long-thần đều cung kính.
Hết thầy các chúng - sinh	Một dạ tôn sùng cả.
Lại nghe thành bồ - đề	Chỉ Phật hay chứng minh.
Tôi siêng giáo đại thừa	Độ thoát chúng-sinh khổ.

Lúc đó ngài Xá-lợi-Phật nghe đoạn mới bảo Long-nữ rằng : « Người bảo người tu chẳng bao lâu, được đạo tốt bậc, sự ấy khó tin lắm. Sao vậy ? Vì rằng thân gái như nếp, không phải pháp-khí, làm gì mà tu thành đạo vô-thượng được. Đạo Phật cao-xa, gái bao nhiêu kiếp, tu hành cần khổ, tu đủ mọi phép, rồi sau mới thành được. Vả lại làm thân con gái, còn có năm cái chướng : 1) là không được làm Phạm thiên-vương, 2) Đế-thích, 3) Ma-vương, 4) Chuyển-luân Thành-vương, 5) thân Phật. Như thế thì thân con gái làm chi mà thành Phật mau thể được ? » Bấy giờ Long-nữ có một hòn ngọc châu báu, giá đáng 3 ngàn ngàn thế-giới lớn, cầm dâng lên Phật, Phật liền nhận ngay. Long-nữ mới bảo Tri-tích Bồ-tát và Xá-lợi-Phật rằng : « Các ngài coi tôi đáng ngọc cúng Phật thế có nhanh không ? » Hai ngài nói : « Nhanh lắm. Long-nữ lại nói : « Đó các ngài lấy thần lực của các ngài mà coi tôi thành Phật, lại còn nhanh hơn thế kia đó ». Trong lúc đó cả hội đều thấy, chỉ trong nháy mắt, Long-nữ đã biến ra hình nam-tử đủ hạnh bồ-tát, sang ngay cõi đời vô-cấu bên phương Nam, ngồi trên tòa sen báu, thành bậc chính-giác đủ ba mươi hai tướng lạ, tám mươi vẻ đẹp, vì hết thầy chúng-sinh trong mười phương, diễn-thuyết phép màu. Lúc đó trong cõi đời Ta-bà bao nhiêu Bồ-tát, Thanh-văn, thiên, long, bát-hộ, cho chí người, và loài không phải người đều xa xa trông thấy cảnh-tượng Long-nữ thành Phật mà thuyết-pháp cho khắp cả hội trời với người. Bấy giờ trong hội đều vui mừng khôn xiết, đều chấp tay hướng về đấng xa mà kính lễ. Không biết bao nhiêu chúng-sinh, được nghe phép lĩnh ngộ, tới bậc không lùi ; không biết bao nhiêu chúng-sinh được thụ-ký thành đạo. Trong cõi đời vô-cấu, rung động sáu cách, ở cõi Ta-bà, ba ngàn chúng-sinh mở lòng bồ-đề mà được thụ-ký thành đạo. Tri-tích và Xá-

lợi-Phất và hết thầy trong hội đều lặng yên tin theo. » Xem đoạn kinh này biết thân con gái tu thành chính quả, mau biết chừng nào. Như ngài Xá-lợi-phất có tiếng là thông-minh bậc nhất mà cũng còn mắc phải cái hoặc của A-lại-gia-thức nó đã hằn lằn linh xấu trong nam khinh nữ đến như thế thì chúng ta tu hành, phải biết mình còn lầm lẫn, chớ có tin cái ý riêng của mình mới được. Thực thế, tôi xin dẫn một đoạn dưới này nữa, sẽ biết ngài Xá-lợi-phất là làm thực.

Trong phẩm sở thuyết kinh Duy-ma-cát nói rằng : « Thừa nọ, trong gian nhà tu của ngài Duy-ma-cát có một nàng Thiên-nữ thấy các bực đại-nhân đến nghe thuyết-pháp đông lắm, nàng mới hiện thân xuống, lấy mấy thức hoa rắc lên trên mình mấy vị Bồ-tát và mấy bực đại-đệ-tử. Những hoa của nàng rắc xuống mình các vị Bồ-tát thì rơi xuống ngay, mà rắc xuống mình các đại-đệ-tử thì hoa cứ dính chặt vào mình, đến nỗi mấy vị ấy dùng hết thân-lực mà cũng không rũ ra được.

« Khi ấy nàng hỏi ngài Xá-lợi-phất rằng : « Vì có gì mà dũ hoa ấy đi » ? Ông Xá-lợi-phất nói : « Bởi vì hoa ấy chẳng phải phép chân-như, nên phải dũ đi ». Nàng nói : « Xin ông đừng nói thế, bởi vì hoa nó có chút gì phân biệt dàu mà ông cứ sinh lòng phân biệt mãi như thế. Người xuất-gia đối với Phật-pháp mà còn có chỗ phân biệt, thế là chẳng phải phép chân-như, mà thiệt không phân biệt chút nào, thì tức là phép chân-như. Coi như các vị Bồ-tát mà rắc hoa vào mình, hoa không dính được, đủ biết các ngài đã dứt hết cái lòng phân biệt rồi. Còn các ông đây vì còn sợ sinh tử, cho nên nắm món sắc, thanh, hương, vị và xúc nó mới thừa cơ mà nhiễm được, cũng như người còn có tình sợ hãi, thì kẻ quấy mới nhân dịp mà khuấy rối được. Cho nên các tập quen « phiền nữ » kết nghiệp » chưa hết, thì hoa dính vào mình, nếu đã sạch rồi, thì hoa không dính được. » Ấy đây, cứ đọc hết đoạn kinh này mà suy nghĩ cho kỹ thì đủ rõ có gì là nam với nữ dàu, mà còn có cái gì là có thực nữa dàu. Trong kinh Kim-cương nói : « Pháp gì mà bảo là Phật-pháp, tức không phải là Phật-pháp ấy mới là Phật-pháp » chính là thế đó. Học Phật mà chớ giải tới chỗ đó là tuyệt phẩm cao siêu, ai dám bảo nữ-tính không thanh cao siêu-việt được nữa không ?

Đây là tôi kể qua một vài đoạn để làm tang chứng đó thôi, chứ các trang nữ-giới tu-hành đặc đạo, liễu ngộ thuyên-cơ thì thực nhiều lắm nói không xiết được. Nay tôi lại kể mấy vị trong nữ-giới nước nhà đã ngộ-đạo mau, đã chứng quả Phật mà còn có sách vở ghi chép, bia tháp lưu-truyền đến giờ để các giáo-hữu nghe.

1) Bà Man-nương, con gái ông Ta-đạt-da người tỉnh Bắc-ninh, tính thông-minh lạ. Năm Đinh-mão niên-hiệu Chung-binh đời vua Hán Linh-đế, có một Cao-tăng bên Ấn-đô tên là Khâu-đa-la chân-nhân sang ta truyền đạo. Cha bà trước về ở nhà, bấy giờ bà mới có 12 tuổi, cô xin học đạo, mới trong bảy ngày đã hiểu khắp mọi phép, nên chân nhân đặt cho pháp-hiệu là A-man tiên-nương và có thơ khen rằng :

Con gái ông Tu có một người,
Một người tuy gái cũng hơn đời.
Ngày sau chắc hẳn thành tiên thánh,
Phù hộ miền Nam phục trạch dài.

Quả-nhiên về sau bà làm được nhiều công đức cho đời lắm, nên đến nay xuôi vùng Dâu-khám trong hạt phủ Thuận-thành đều sùng-bái rất tôn-nghiêm. Cứ xét như sự-tích bà, nói rằng thấy cùn-vồng lẫn vào mình, rồi có thai, sinh ra hòn đá. Khâu-chân-nhân yểm vào trong cây đa, sau cây đa đổ, người ta lấy gỗ tạc tượng Pháp-vân, Pháp-vũ, Pháp-lôi, Pháp-điện và Thạch-quang để thờ, uy-linh hiển-hách, từ vua chí dân, đều cầu được lắm sự linh lạ. Tôi từng sang tận nơi xem di-tích, còn có đủ cả tang chứng, cũng lấy làm lạ thay ! Tôi thấy các chùa mà thờ Tứ-pháp thì đều thờ thánh ở giữa mà thờ Phật xung quanh, nên tôi có ý ngờ rằng có lẽ phép tu của Khâu-chân-nhân theo về Mật-giáo, cho nên mới hiện nhiều phép-thuật lạ-lùng thế chẳng. Song tôi xem những lời thơ của bà Man-nương còn truyền tụng lại, như bài chơi động Thanh-gi rằng :

Thợ trời trang điểm khéo ghê,
Ta vui ta biết không hề mách ai.
Bờ khe vách đá rong chơi,
Cối trần mà lại có trời đất riêng.

Bài trở về nhà tu rừng.:

Lộ là Thiên-trúc đồng-lai.

Quê nhà cũng sẵn có nơi tu-bành.

Tu là tu ở ngay mình,

Lâm-tuyền cũng được, thị-thành cũng bay.

Xem hai bài thơ này, bài trên thật có vẻ liê-phong đạo-cốt, không nhiễm mùi trần, bài dưới thì thẳng ngộ chân tâm, vào nơi chính định, không còn cảnh nào nhiễm được nữa. Như thế thì cũng có thể tin rằng bá cũng đã ngộ đạo lắm vậy.

II) Sư cụ Diệu-nhân, cụ húy là Ngọc-kiều, là con gái ả Phụng-loát nương, người làng Phù-đồng, huyện Tiên-đâu. Thiên-tư hiển-hạ, nói năng phép tắc. Vua Lý Thánh-tôn đem vào trong cung nuôi, khi trưởng-thành, lấy quan Mục châu Đãng là Lê-thị, Lê-thị mất sớm, thế quyết đừng góa, không chịu lấy ai nữa. Một hôm than rằng : « Chao ôi ! ta xem hết thấy mọi phép trong thế-gian, y như một đấc mộng hão huyền, hưởng chỉ cái giàu sang mấy nổi nàg, cày làm sao được ». Kể đó, có bao vốn riêng, đem làm phúc hết, cất lóc xuất gia, vào thụ bồ-tát-giới sư cụ Chân-không chùa làng. Giữ luật tinh nghiêm, tu thuyên thận mật, thấy tổ đạo mẫu, nổi tiếng trong các ni-chúng. Có ai đến học, cụ tất truyền cho phép đại-thừa và bảo rằng : Cứ thấy tổ bôn-tinh thì vào đốn-môn (tợ ngay) cũng được, mà vào tiệm-môn tu dần cũng được. Cụ thường ngồi yên lặng, ghét nói nhiều. Có một vị học trò hỏi rằng : « Hết thấy chúng-sinh còn ốm, cho nên ta cũng ốm, làm sao thầy ghét thanh sắc thế ». Cụ dẫn lời kinh mà nói : « Nếu lấy sắc cầu thấy ta, lấy âm thanh cầu thấy ta, người làm như thế là tà đạo, không thể thấy Như-lai được. » — Vì có gì mà thầy hay ngồi lặng yên? — Nguyên lai vẫn thế. — Làm sao thầy không nói : — « Đạo vốn không phải nói. » Ngày mồng một tháng sáu niên hiệu Hội-tướng-đại-khánh thứ tư giờ bệnh, mới đọc bài kệ rằng : « Sinh, già, ốm, chết, Tự xưa thường thế. Muốn tìm lối ra, càng thêm chẳng chặt. Mê cầu đạo Phật, hoặc cầu phép thuyên, thuyên Phật không cầu, cảm miệng không nói. » Đọc xong tấm gột sạch sẽ, ngồi kết già mà hóa, thọ 72 tuổi.

Xem như sự-lịch cụ Diệu-nhân này thì cái nghĩa chân

không ở trong Kim-cương đều thấy hết, mà mấy câu kệ đọc lúc sắp tịch, thực là hiểu tới cái tinh thần đạo Phật, phải mình các lễ sinh tử là tự nhiên thì cứ mặc tự nhiên, nếu chỉ chăm chăm cầu cho thoát ra thì không những không thoát ra được, lại càng mắc sâu vào nữa. Cầu Phật tu-thiền, cốt để sáng lòng thấy tinh, tức là tổ đạo, nếu làm đủ mà hoặc thì còn cầu Phật cầu thiền thế nào được nữa. Chừng giải như cụ, thiết là cái nghĩa thứ nhất, thực là cái gương rất quý cho người tu-hành sau này.

Tỳ-Viên Công-chúa

Công-chúa là con gái quan Nguyễn-quốc-sư ở Đông-lác phường, huyện Thọ-xương. Tư chất thông-minh, dong-nhan mĩ-lệ. Chúa Trịnh ép vào trong cung, nhưng công-chúa nào phải người thích phạm, bầm tinh thanh-cao, ghét trần vẩn đục, nhất định xin xuất-gia. Chúa Trịnh không nghe, sai làm chùa ở trong hoàng-cung để công-chúa tu. Công-chúa cũng không nghe, mới làm một bài thơ yên cầu với chúa, hề chúa họa được xin ở lại, bầy không, xin cho tùy ý. Thơ rằng :

Chùa nhỏ nhỏ,
Cảnh tiêu tiêu,
Luống để tay tiên bận đặt diu,
Non nước nu na nu nống,
Cỏ hoa lồng hồng lồng hiu.

Chúa không họa được, đành phải để cho công-chúa đi tu. Công-chúa liền tìm đến chùa Nhạn-tháp tức chùa Tháp là một ngôi chùa của Trịnh Quốc-mẫu làm nên, chín tòa chùa sắp một hàng, hai bên hành-lang giải như giầy phở, rộng tất cả 112 gian, tượng Phật và các lễ đều đắp rất tinh xảo, trông như người sống, nhà Bác-cổ cũng phải công nhận là tuyệt-xảo mà bảo-tồn, thực là một nơi danh lam thắng-cảnh. Chính vị Chuyết-công hòa-thượng là một vị cao tăng bên Trung-quốc cũng tu đặc đạo ở đấy, mà đời nói các lễ tu thành đạo lớn cũng rất nhiều. Công-chúa đã cố sửa tuệ-căn, lại tìm được nơi hương-hỏa quý báu ấy, nên tu không bao lâu, đã được thần-thông diệu pháp, tục truyền

ràng qua sông không phải dùng thuyền, chỉ thả cái nón tu lơ xuống mà sang ngay bên kia. Làng nào có lật dịch, chỉ xin mấy chữ đến gần ở đầu làng là khỏi ngay. Vì thế nên vùng Bắc đã có câu lục-ngữ rằng : « Thấy thuốc Lang-Kỹ, phủ-thủy Bà-Viên. Hai ấy đã hèn, đó ai chữa được. » Hiện nay ở chùa còn có cái Tháp, trên đề ba chữ là Ni-châu-tháp. xung quanh chếp tường sự tích. Cả vùng dân ấy cho chỉ tông Tông-xá lĩnh Hội-dương đều phụng thờ tôn kính, cứ đến ngày 25 tháng hai thì lại rước xách lễ lễ linh-đình. Một vị thiên-kim liêu-thư, tài mạo song toàn, lại được chúa yêu đến gác lư lâu cáo, vàng kho thóc đụn, cảnh trần ai đến thế, tướng cũng là cùng cực rồi, thế mà trút tôn vinh như dũ bụi trần, coi thoa xuyên như loài gạch ngói. Cầm-bào đời dạng nân sông, cảnh vắng tìm nơi tu đạo, có cái tuệ cần tuệ lực như thế, lẽ nào mà tu chẳng thành công !

(Còn nữa)

Trẩy hội chùa Hương-Tích

Một vùng non nước bạo la,
Rừng đây lạc-quốc hay là đảo-nguyên.
Hương-sơn là chốn non liên,
Bông-lai mà thấy ở miền nhân-gian.

*
*

Miền Hương-Tích riêng về cảnh Phật,
Động nam-thiên-đệ-nhất ấy là đây.
Non xanh hai rây ngất tầng mây,
Giọng suối biếc có cây đưa đón lối.
Thuyền mây lá ra vào len lối,
Qua đền óng rồi đến núi voi, gá.
Trong rừng mai còn trắng diêm mấy bóng hoa.
Ngoài sườn núi giọng tiêu ca vang đáy nước.
Đò ghé bến bước lên đường sơn-cước,
Gió êm dềm thêm lác đác hạt mưa xuân.

Kia thiên-nam tín-nữ, kia tài-lữ giai-nhân, kia lão tăng
 hành niệm kệ, kia thiếu nữ tọa đặng sơn,
 Lại viết bao quý-khách vương-tôn, đều thẳng lối đèo
 nguyên mà dẫn bước.
 Chợt nằng thấy tam quan đứng trước,
 Ấy thiên-trù là bếp nước củnha chiên.
 Dâng hương hoa mà mô-bái phật liền,
 Lại lần lượt đến chùa-liên cùng cửa-võng.
 Qua giải-oan bước giần lên cửa động.
 Tiếng chuông đầu rung động chín tầng mây.
 Phát Quan-âm người thặng-hóa ở đầu đây,
 Còn để lại dấu chân giầy nhơn bước.
 Lên cổ Phật là nơi cực-lạc,
 Dẫu gian-tà hung ác cũng từ-bị.
 Chẳng tham mà cũng chẳng sân, si,
 Lòng mộ đạo đã quy y Phật-tổ.
 Khắp trần thế là nơi bệ khồ,
 Bè từ xin tế-độ cả quần-sinh.
 Phật-bà muôn thuở an linh.

CHÚ THÍCH : Lạc-quốc là nước Phật. Nam-thiên đệ nhứt
 động là : chữ vua đề vào chùa ngày xưa, ý nói Động này đẹp
 nhất nước Nam. 2 câu Lão-lăng, thiếu-nữ là : ông sư già thời
 vừa đi vừa niệm Phật mà có thiếu-nữ thời ngồi ngắt trên đặng
 sơn. Quý-khách Vương-tôn là người sang trọng. Đường sơn cước
 là đường đá ở bên dò suối bước lên. Thiên-trù là bếp giới lúc
 là bếp nhà chùa, vì ai đến đây cũng thổi sôi, đóng oản để
 làm lễ. Tham, sân, si, là ba điều răn của nhà Phật, cấm
 người takhông được tham lam, giận dữ, mê đắm cái gì.

ĐÀO-HỮU-KHÔI

Tuần-phủ hư-tri

Nhân-quả tiểu-thuyết

因果小說

(Tiếp theo)

Về sau, cảnh-ngộ mỗi cậu một khác, không cậu nào giống cậu nào.

Cậu Càn và cậu Khảm, nhà có bắt ăn hơn và đã đọc được văn tây, cha mẹ thấy con học được, xin cho vào trường Pháp-Việt hàng lồng.

Cậu Càn may mắn, mỗi năm lên một lớp, đỗ Sơ-học, Cơ-thủy và Thành-chung, được bổ làm Thư-ký tòa Sứ rồi đỗ Tham-tá, nhân làm ở Thượng-du được 5 năm, thi đỗ và được bổ Tri-châu hạng ba và tuần tự thăng hạng nhì, hạng nhất, Chánh Tri-châu hạng nhất, thi đỗ Tri-phủ và được bổ về một phủ tốt ở Trung-châu, nhờ có nhiều quan thầy, nhiều thần-thế, trở nên bậc phú-quý hiển-vinh.

Cậu Khảm học hành có phần xuất-sắc hơn cậu Càn, mà thi cử cứ lặt-đạt, lẩn-lóc mãi đỗ được cái bằng Cơ-thủy, thi vào học trường Bảo-hộ đến hai ba năm, năm thi chứng nợ, năm thi lặt kia, không sao mà được vào học, năm 17 quá tuổi, đành phải thi vào lớp Trợ-giáo, cũng là định kiểm một việc dễ độ thân, nhưng thi ra lại hỏng, thành thử xôi hỏng bồng không, giờ ông, giờ thẳng, ăn đói mặc rách, lại quá nghe lời bạn vào hội Việt-nam Quốc-dân-dảng không được bao lâu bị đồng đảng sừng ra, mà bị Tòa-án kết nghị 20 năm khổ-sai, thế là cái đời bỏ đi, không còn hy-vọng gì nữa.

Cậu Càn và cậu Khảm là bạn đồng học chữ Pháp, cùng sức nhau mà sao lại kẻ sang người hèn khác nhau như vậy? Cái vấn-đề này sẽ xin giải về sau.

Cậu Cấn và cậu Chấn học được 3 năm, biết Quốc-ngữ, biết tính toán, cùng rủ nhau vào làm tài-phú một hiệu buôn của một nhà phú-thương, cũng sành nghề buôn bán và gom góp tiền công, được mỗi cậu một món tiền kha khá, hai cậu rủ nhau thôi việc, và mỗi cậu mở một ngôi hàng buôn riêng.

Cậu Cấn vận lấy, buôn « nhất bản vạn lợi » (一本萬利) nghĩa là một vốn muôn lời, chỉ trong vòng 3 năm đã trở nên đại phú.

Cậu Chấn có phần thông thạo nghề buôn hơn cậu Cấn, nhưng buôn gì hỏng nấy, mua mười bán một, chỉ một năm lại hoàn tay không, muốn trở lại làm việc cho chủ cũ, nhưng đã có người kẻ chân rồi, chủ không dùng nữa, đành xin đi làm tài-xế phụ ô tô, lương mỗi tháng chỉ có 6 đồng, mà vất vả quá chừng, thế không chịu được, đành lại bỏ việc, và xin đầu mộ di phu Nam-kỳ, chịu nhiều nỗi đánh đập cay đắng, chung quy mỗi ngày chỉ được vài bát cơm hẩm đủ sống, phải bỏ trốn về làng làm thuê làm mướn cho qua ngày đoạn tháng.

Cậu Chấn và cậu Cấn cùng kinh-doanh về con đường thực-nghiệp mà sao lại kẻ giàu người nghèo khác nhau như vậy?

Cậu Tốn và cậu Ly cùng xoay về nghề làm ruộng, lần hồi đủ ăn, duy cậu Tốn thì vợ hiền con thảo, để con nào nuôi con ấy, đầy đàn đầy lũ, gia-đình đông vui, còn cậu Ly thì khác hẳn, vợ không ra sao, người thì chết, người thì bỏ nhà đi, người ở thì cũng lằng-loàn quá độ, về đường con cái cũng vậy, « đa sinh thiểu dưỡng » (多生少養) nghĩa là sinh nhiều mà nuôi được thì ít, thật là nghèo về nuôi con, mà con chả ra con, đều là phường ngỗ nghịch.

Sao cũng thì người mà cậu Tốn thì vợ là duyên, con là ân, mà cậu Ly thì vợ là nợ, con là thù, khác nhau như vậy?

Cậu Khôn và cậu Đoài đủ nhau làm thợ :

Cậu Khôn thì khỏe mạnh lạ thường, « nhất sinh vô bệnh » (一生無病) nghĩa là cả đời không ốm đau bao giờ ; hay ăn hay ngủ là tiên trên đời, lý tất nhiên là được hưởng thọ. Còn cậu Đoài thì ốm đau suốt đời, làm một ngày nghỉ 10 ngày, rồi về sau chết về bệnh lao.

Cũng thì người mà sao cậu Khôn khỏe mạnh hưởng thọ và cậu Đoài yếu đuối yếu chết như vậy?

Nhiều khi các cậu (trừ cậu Đoài đã chết) gặp nhau, tuy kẻ sang người hèn, kẻ giàu người nghèo, nhưng tình đồng

học tự khi để chỏm, tay bắt mặt mừng, các cậu bàn tán với nhau, mỗi người một vẻ, duyên có tại đâu ?

Người tạ thường nói : có phúc, có số, có duyên, có phận.

Vậy phúc, số, duyên, phận bởi đâu mà ra, phải là sự tình cờ hay sao ? Tuy quan Phủ Càn là người thâm thúy về tây học, đem những triết-lý và sự-tích trong sách tây ra phán đoán, nhưng các lý-thuyết phần nhiều hám-hồ, cũng chưa được đủ khám phá cho hết nhẽ, mà khiến cho không ai cãi được.

Lệ hương-thôn đã học thầy thì đủ nhau lập một hội đồng-môn, góp tiền làm gốc, trước đặt lãi, sau mua ruộng, mỗi năm hội họp một kỳ, làm chén dâng thầy và anh em họp mặt làm vui ; những khi nhà thầy có việc biếu hỉ văn vắn, thì trích lợi ra mà cúng phụng thầy, sau khi thầy có tạ thế thì phải đóng góp làm ma làm chay.

Tuy cái buổi giao thi này, cái lệ đồng-môn đã tỉnh giảm đi nhiều, nhưng bấy cậu học-trò còn lại, không vong bản, vẫn giữ được cái nề nếp đồng-môn gọi là « Thái cực trường » (太極場) theo thói thông thường lấy tên biệt-hiệu của thầy mà đặt tên đồng-môn vậy.

Một hôm quan phủ Càn được phép về thăm nhà, lại nhằm vào ngày họp đồng-môn, thầy trò chè chén vui vầy.

Quan phủ hỏi thầy rằng : thưa thầy, có tám anh em chúng con cùng học thầy khi vỡ lòng mà về sau cảnh ngộ mỗi người một khác nhau, là tại làm sao ? con xem sách tây, thì các triết-lý nói trong sách tây, không đủ khám phá, vẫn không khỏi nhiều sự hoài nghi, xin thầy chỉ giáo cho chúng con biết.

Tiền-sinh khen quan phủ là người chịu nghiên cứu và lưu tâm vào những sự sâu xa, không như nhiều quan phủ khác, chỉ chú trọng về vật chất, chứ không biết tinh thần là cái gì !

Rồi Tiền-sinh nói tiếp rằng : Tôi thuở xưa học chữ nho, không sách nào là không đọc, nhưng đại khái như kinh Dịch có câu nói rằng : « Tích thiện chi gia tất hữu dư

khương, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương» (積善之家必有餘慶, 積不善之家必有餘殃) nghĩa là những nhà lâu đời làm thiện tất có nhiều phúc, những nhà lâu đời làm ác tất có nhiều vạ. Trong kinh thư có câu nói rằng « tác thiện, thiên giáng chi bách tường, tác bất thiện, thiên giáng chi bách ương » (作善天降之百祥, 作不善, 天降之百殃) nghĩa là làm lành giời cho trăm phúc, làm ác giời bắt trăm vạ. Ông Lão-tử nói rằng: « Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo » (善有善報, 惡有惡報) nghĩa là thiện có thiện báo, ác có ác báo.

Suy xét những triết-lý nói trên này thì làm lành gặp lành, làm ác gặp ác, là lẽ tất-nhiên, nhưng cũng chưa được mười phần minh-bạch.

Về sau bỏ thi chữ nho không dùng nữa, những khi nhân hạ, ta mượn kinh Phật về nhà xem, đã xem được nhiều bộ mới biết thuyết Phật nói về sự « nhân quả báo ứng » (因果報應) rõ ràng hơn cả.

Ta hãy theo trong kinh mà kê đại lược, tóm tắt đề các thầy nghe:

Trong bầu vũ-trụ này chia ra có sáu đạo:

1^o — Thiên-đạo (天道) tức là 33 thiên-cung (天宮), các vị Thần thánh, Tiên đều cư trụ tại tầng ấy cả, duy thọ-mệnh của các ngài, lâu dài hơn trần-gian nhiều, hoặc mấy nghìn năm, hoặc mấy vạn năm, số tận lại chuyển kiếp, và các thứ ăn mặc, muốn chi có bấy, không phải kinh doanh vất-vả, còn khí-hậu thì lúc nào cũng mát mẻ như mùa xuân.

Tu đạo Phật mà mới đến bậc La-hán thì cũng còn cư-trụ tại thiên-cung, đến bậc Bồ-tát, thì tuy cũng còn cư-trụ thiên-cung, nhưng đã xuất nhập Nát-bản là nói bất sinh bất diệt (不生不滅) tức là ra ngoài vòng vũ-trụ vậy.

Có phải tu một đời mà thành Phật được ngay đâu, phải tu nghìn, muôn, ức kiếp, mới thành Phật được, ví dụ như người kiếp này tu hành, giữ được sự lành, thì kiếp sau phú quý, kiếp sau lại tu, thì kiếp sau nữa thành La-hán bồ-tát.

Như đức Phật-tổ Thích-ca mâu-ni, đã nghìn muôn kiếp,

đã đến bậc Hộ-sinh Bồ-tát, lại giảng sinh làm Hoàng-tử nước Ấn-độ, xuất gia tu kiếp ấy nữa mới thật đắc đạo thành Phật.

2° — Nhân-đạo (人道) là nhân-gian, nếu làm lành thì kiếp sau hoặc phú quý, hoặc thăng thiên-cung làm thần-thánh và Tiên, nếu làm ác thì hóa kiếp súc-sinh hay trụy-lạc vào địa ngục.

3° — Tu-la-đạo (修羅道) tức là hung-thần.

4° — Ngã-quỷ-đạo (餓鬼道) tức là ma đói ma khát.

5° — Súc-sinh-đạo (畜生道) tức là các súc vật.

6° — Địa-ngục-đạo (地獄道) tức là những nơi cực nóng và cực lạnh tại các nơi u ám, gọi là « hàn-ngục, nhiệt-ngục » nơi địa ngục có ma quỷ làm cho khổ nhô như :

1° — Quác-thang (鑊湯) vạc giầu.

2° — Lò-than (爐炭) lò than.

3° — Dao-sơn (刀山) núi giao.

4° — Kiếm-thụ (劍樹) cây gươm.

5° — Đường-hỏa (爐火) đồng nấu lỏng.

6° — Phân-tí (糞尿) phân hôi.

7° — Ma-ma (磨磨) cối xay.

8° — Đồi-thung (碓舂) cối giã.

Phàm các động vật, có sống có chết, có tri giác, đều có thần-thức cả.

Cái thần-thức ấy luân hồi chuyển kiếp, chứ không phải là chết mà thần-thức cũng tiêu diệt dẫu.

Cái hoa có hương, hoa tàn thì cái hương có còn hay không? thần-thức cũng vậy: sinh vật đã chết thì thần-thức có còn hay không? bảo rằng còn thì cho là hoang-đường, bảo rằng không thì thật là vô lý.

Vi dụ như người, nếu cái thần-thức giữ được trong sạch thì sáng suốt nhẹ nhàng, khi thác bay lên thiên-giới, làm Thần, Thánh, Tiên, Phật, nếu giữ được trung thường thì kiếp sau lại là người, nếu trụy-lạc thì kiếp sau thành ma-quỷ hoặc súc vật.

(Còn nữa)

PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-YÊU

佛學辭典輯要

Ban-nhã 般若 (Prajna).— Tri-tuệ. Một thứ tri-tuệ trên hết, không còn thứ tri-tuệ nào bằng. Không đâu không soi suốt. Có nhiều dịch-âm như *Bát-nhã* 鉢若 *ban-la-nhã* 般羅若, *bát-lạt-nhã* 般刺若, *bát-la-chỉ-nhương* 鉢羅枳壤, vân vân.— Có nhiều thứ Ban-nhã, *Nhị ban-nhã* 二般若: 1^o Thực-tướng ban-nhã, 實相般若 2^o Quan-triếu ban-nhã 觀照般若. *Tam-ban-nhã* 三般若: 1^o Thực-tướng ban-nhã, 2^o Quan-triếu ban-nhã, 3^o Văn-tự ban-nhã 文字般若 *Ngũ-ban-nhã* 五般若: 1^o Thực-tướng ban-nhã, 2^o Quan-triếu ban-nhã, 3^o Văn-tự ban-nhã, 4^o Cảnh-giới ban-nhã 境界般若 (nơi duyên khởi của tri-tuệ) 5^o Quyển thuộc bát-nhã 眷屬般若 những điều hiểu biết gần với tri-tuệ).

Ban-nhã Phật-mẫu 般若佛母.— Ban-nhã sinh ra Phật-pháp.

Ban-nhã vô-tri 般若無知.— Tri-tuệ cực diễm, nhường như không biết gì, mà hiểu hết muôn loài,

Ban-nhã thời 般若時.— Một thời kỳ trong năm thời kỳ giảng giáo của Phật.

Ban-nhã thuyền ○ 若船.— Tri-tuệ đưa chúng-sinh qua bể khổ nên gọi là thuyền.

Ban-nhã đào thải 般若淘汰.— Lấy tri-tuệ mà gạt lọc mọi ý niệm mê-trấp đi.

Ban-nhã-thang ○ 若湯.— Tiếng «lóng» trong thiên-lâm gọi rượu là *ban-nhã-thang*, cá là *thủy-thoan-hoa* 水梭花 (hoa thoi nước), gà là *toán-lý-thái* 鑽離菜 (Rau trui giào).

Ban-nhã bồ-tát ○ 若菩薩.— Hiệu một vị Bồ-tát.

Ban-nhã ba-la-mật ○ 若般羅密.— hay là Ban-nhã-ba-la-mật-da ○ 若波羅密多 (Prajnaparamita).— Ban-nhã là tri-tuệ, Ba-la-mật là độ được, là tới bờ

bên kia, tức là thuyền-tri-tuệ đưa tới bờ bên kia bề
khô.

Ban-nát-bàn 般涅槃.— Nói đủ tiếng thì là ban-nát
bàn-na, nghĩa là nhập-diệt. Giải nghĩa rời ra thì « ban »
là viên 圓 (tròn lộn), « nát-bàn na » là tịch寂 (vắng
lặng) hợp lại tức là viên-tịch.

Ban-già vu-tuần 遮于旬.— Ban-già là năm (五),
vu-tuần là thần-thông, tên vị thần *ngũ thần-thông*, tài
âm nhạc hay ca-tụng công-đức Phật.

Ban-già vu-sắt 遮于瑟 (Pancavarsika).— Ngũ
niên hội 五年會, mỗi năm năm một lần mở đại trai
hội gọi là *Ban-già vu-sắt* cũng dịch là hội vô-già 無
遮會 (không ngăn cấm ai). Lại có dịch âm nữa là
ban-già việt-si 遮越師.

Ban-già tuần 遮旬 (Pancabhijana).— Ngũ thần-
thông, cũng có chỗ dịch là ngũ-tuần.

Bái

Bái-sám 拜懺.— Lễ Phật xin Xám hối, cũng gọi là lễ xám

Bắc (1)

Bắc-Phương Phật-giáo 北方佛教.— Một phái đối
với Nam-phương Phật-giáo mà làm hai giáo phái lớn
của đạo Phật từ Ấn-độ truyền ra. Trước Tây-lịch ba
thế-kỷ A-dục-vương cho các sư phái Đại-thừa đi
truyền đạo về miền bắc Ấn-độ rồi phát đạt ở Tây-vực,
Tây-tạng, Chi-na, Cao-ly, Việt-nam và Nhật-bản, các
nước ấy đều thuộc về Bắc-phương Phật-giáo. Còn phái
Tiểu-thừa thì tự truyền đạo sang miền nam Ấn-độ, lưu-
hành ở Tích-lan và các nước Nam-dương bây giờ.
Kinh điển của hai phái khác nhau nhiều, bởi vậy phân
lâm hai, theo địa-lý mà gọi là Bắc với Nam.

(1) Vì budi đầu thảo-sáng, có khi bỏ sót, sau lại thêm vào
nên có chỗ thứ-tự hơi sai, về sau ra sách sẽ chỉnh-dốn lại.
Xin duyệt-giả lượng cho.

Tin các Hội-viên quá cố

Những vị Hội-viên quá cố ghi tên sau này. Bản-hội đã đến phúng viếng và ban Hộ-niệm của Hội đã đều cử-hành lễ liếp dẫn tây qui khi tổng-chung. Lại đã đều đặi các linh vị để thờ tại chùa Hội-quán, và lần lượt đến tuàn « Tứ-cửu » của vị nào thì làm lễ cầu Phật siêu-dộ cho vị ấy, để giả nghĩa đồng-đạo với nhau :

— Cụ Nguyễn-văn-Lễ, 6, Parasol, Hải-dương viên tịch ngày 19-5-1935.

— Ông Nguyễn-hò-1-Bình, 38, Hàng Da, Hanoi, viên tịch ngày 10 Décembre 1935.

— Ông Tô-văn-Lân, 41, Sông Tô-tịch, Hanoi, viên tịch ngày 16 Décembre 1935.

— Cụ Trần-thị-Bình, 10 Jean-Dupuis, Hanoi, viên tịch ngày 30 Décembre 1935.

Cụ Phan-thị-Bắc, làng Khúc tri, Kiến-an, viên tịch ngày 29 Octobre 1935.

— Cụ Ngô-thị-Tám, làng Hoàng-mai, Hoàn-long, Hà-đông, viên tịch ngày 6 Janvier 1936.

— Cụ Nguyễn-văn-Biện, 216, phố Lương-yên, Hanoi, viên tịch ngày 13 Janvier 1936.

— Cụ Phạm-thị-Mịch, làng Hoành-bồ, Thanh - miện, Hải-dương, viên tịch ngày 13 Décembre 1935.

— Cụ Nguyễn-thị Thuận, 32, hàng Da, Hanoi, viên tịch ngày Janvier 1936.

— Bà Trần-thị-Chung ở Ngọc-nha, Khoái-châu, Hưng-yên, viên tịch ngày 13 tháng chạp, năm Ất-hợi.

— Ông Nguyễn-hữu-Bân, phố Đệ-nhất Thái-binh, viên tịch ngày 17 Janvier 1936.

— Cụ Ngô-thị-Ngo, 16, Hàng Quạt, Hanoi, viên tịch ngày 6 Février 1936.

— Cụ Nghiê-m-đinh-Bột 6, ngõ Bảo-Long Hanoi viên tịch ngày 23 Janvier 1936.

— Cụ Vương-thị-Ngọc, 83, hàng Bông, Hanoi viên-tịch ngày 12 Février 1936.

— Ông Nguyễn-cửu-Tiến, 121, ngõ Chấn-hưng Hanoi, viên tịch ngày 14 Février 1936.

— Cụ Bùi-thị-Trạch, xã Kim-cam, Thanh-hà, Hải-dương viên-tịch ngày 31 Décembre 1935

— Cụ Phạm-văn-Học, xã Lai-xá, Thanh-hà Haidương. viên tịch ngày 2 Janvier 1936.